

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số: 29/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 16/4/2021.
(V/v: *Ly hôn*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Kiều Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1958
Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1957
Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 1980 và có làm giấy khai đăng ký kết hôn tại UBND phường B vào ngày 30 tháng 4 năm 1980. UBND phường D chứng nhận vào ngày 06 tháng 5 năm 1980 là ông C trước đây có nhân khẩu phường D đi cải tạo về chưa nhập khẩu, bản thân ông C chưa có vợ. Sau khi cưới, bà và ông C về chung sống tại nhà bà ở khu phố 5,

phường B. Đến năm 1981 ông bà sinh con, khi con khoảng 07 đến 08 tháng tuổi do kinh tế gia đình khó khăn, không chịu được cơ cực nên ông C đã tìm cách vượt biên bằng đường biển sang nước ngoài. Từ năm 1981 ông C bỏ mẹ con bà đi đến nay không có tin tức gì. Năm 2015 bà đã làm đơn yêu cầu và được Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 05/2015 ngày 23 tháng 7 năm 2015 nhưng vẫn không có tin tức gì của ông C, sau đó bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông C mất tích, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã ra Quyết định số 09/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 tuyên bố ông C mất tích. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà và ông C có 01 con tên Nguyễn Đức E, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1981, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn C có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Ông C đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định số 09/2020/QĐST-DS ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông C.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, tại phiên tòa nguyên đơn không tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn C có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau

vào năm 1980, đến năm 1981 hai người sinh được 01 người con chung. Như vậy, bà A đã xác lập quan hệ vợ chồng với ông C vào trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 thì Tòa án giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Theo bà A thì ông C đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 1981 đến nay, bà đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức của ông C. Hơn nữa, ông C đã được Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết ra Quyết định thông báo tìm kiếm ông vắng mặt tại nơi cư trú theo Quyết định số 05 ngày 23 tháng 7 năm 2015 và ra Quyết định tuyên bố ông mất tích theo Quyết định số 09/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nay bà A yêu cầu được ly hôn với ông C thì Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà A và ông C có 01 con chung Nguyễn Đức E, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1981, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà A được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban A vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 262 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban A vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A. Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

3/Về án phí: Bà Nguyễn Thị A được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/4/2021). Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường B;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan